

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT THU HỒI (ĐỢT 1)

Thuộc dự án: bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để tạo quỹ đất sạch tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các khu đất thuộc phạm vi quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị - thương mại – dịch vụ Long Thành tại xã Bình An và phường Long Thành (thuộc địa bàn xã Bình An).

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Bình An)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tờ (cũ)	Số tờ (mới)	Số thửa	Diện tích (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	số 47, đường số 1, tổ 3, khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập thành phố Đồng Nai	3	33	24	171,283.00	40,285.40	CLN
2			3	33	32	98,550.00	24,340.30	CLN
3			3	33	33	65,662.00	65,653.60	CLN
4			3	33	34	104,927.40	104,927.40	CLN
5			3	33	35	159,002.00	138,488.30	CLN
6			3	33	36	143,779.90	15,407.40	CLN
7			3	33	39	126,415.40	1,294.20	CLN
8			3	33	40	127,652.90	96,128.80	CLN
9			3	33	41	123,092.00	123,092.00	CLN
10			3	33	42	79,577.00	79,577.00	CLN
11			3	33	43	126,167.00	122,336.70	CLN
12			3	33	44	125,067.00	123,238.00	CLN
13			3	33	45	126,617.00	126,617.00	CLN
14			3	33	47	126,389.00	126,389.00	CLN
15			3	33	48	129,375.90	129,375.90	CLN
16			3	33	49	127,494.90	127,494.90	CLN
17			3	33	50	127,143.60	115,478.90	CLN
18			3	33	52	125,196.40	73,107.80	CLN
19			4	34	8	174,801.00	14,689.30	CLN
20			4	34	10	52,980.80	27,712.90	CLN

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tờ (cũ)	Số tờ (mới)	Số thửa	Diện tích (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi
21			4	34	19	89,993.00	74,011.10	CLN
22			4	34	20	117,087.00	77,658.40	CLN
23			4	34	25	123,761.00	12,618.80	CLN
24			4	34	27	129,877.00	127,092.50	CLN
25			4	34	29	127,672.30	126,804.00	CLN
26			4	34	30	123,969.70	28,706.70	CLN
27			4	34	33	72,947.00	43,052.50	CLN
28			4	34	34	247,015.30	230,189.10	CLN
29			4	34	36	244,376.00	244,376.00	CLN
30			4	34	38	246,764.90	246,764.90	CLN
31			4	34	39	247,882.20	170,596.50	CLN
32			4	34	40	185,016.00	60,559.70	CLN
33			4	34	41	238,962.50	227,470.20	CLN
34			4	34	43	241,339.80	241,339.80	CLN
35			4	34	44	315,433.00	315,433.00	CLN
36			4	34	46	241,906.00	231,963.00	CLN
37			4	34	56	83,682.70	32,988.50	CLN
Tổng: 37 thửa đất						5,518,859.60	4,167,259.50	